



# Sắp Sẵn

Rev 09/16/17



Tên (Scout): \_\_\_\_\_ Đội / Tuần (Patrol): \_\_\_\_\_

Ngày bắt đầu (Start date): \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_\_\_ Ngày hoàn tất (Completion date): \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_\_\_

## ĐỀ MỤC (Description)

NGÀY

TRƯỞNG

### A. Hoàn tất yêu cầu của chương trình sau đây:

*(Complete the following requirements.)*

#### 1. Camping and Outdoor Ethics

- a. Đã tham dự 5 kỳ sinh hoạt & 3 kỳ trại qua đêm \_\_\_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_\_\_  
*(Since joining, participate in five separate troop/patrol activities, three of which include overnight camping.)*
- b. Thảo luận về nguyên tắc “Không Để Lại Dấu Vết” và cho biết làm cách nào để thực hiện điều đó trong khi đi cắm trại hay thám du. \_\_\_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_\_\_  
*(Explain the principles of Leave No Trace and tell how you practiced them on a campout or outing.)*
- c. Chọn một nơi cho đội/tuần cắm trại và giải thích những yếu tố bạn cần cân nhắc khi lựa chọn đất trại và chỗ để dựng lều. \_\_\_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_\_\_  
*(Select a location for your patrol site and explain what factors you should consider when choosing a patrol site and where to pitch a tent.)*

#### 2. Cooking and Tools

- a. Giải thích khi nào thích hợp để sử dụng lửa cho việc nấu nướng hoặc các mục đích khác và khi nào không được thích hợp để làm như vậy. \_\_\_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_\_\_  
*(Explain when it is appropriate to use a fire for cooking or other purposes and when it would not be appropriate to do so.)*
- b. Sử dụng các công cụ được liệt kê trong những yêu cầu của Khóa Tenderfoot phần 3d để chuẩn bị những vật liệu để gầy một bếp lửa. \_\_\_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_\_\_  
*(Use the tools listed in Tenderfoot requirement 3d to prepare tinder, kindling, and fuel wood for a cooking fire.)*
- c. Tại một địa điểm ngoài trời và thời gian đã được chấp thuận, sử dụng những vật liệu trong phần 2b trên để chứng minh cho thấy cách gầy lửa. Sau khi để lửa cháy một cách an toàn ít nhất là hai phút, dập tắt lửa một cách an toàn trong khi tránh làm tổn hại đến nơi đốt lửa. \_\_\_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_\_\_  
*(At an approved outdoor location and time, use the tinder, kindling, and fuel wood from Second Class requirement 2b to demonstrate how to build a fire. After allowing the flames to burn safely for at least two minutes, safely extinguish the flames with minimal impact to the fire site.)*
- d. Giải thích khi nào thích hợp để sử dụng một bếp lò nhẹ và khi nào thích hợp để sử dụng một bếp ga propane. Thiết lập một bếp lò nhẹ hoặc bếp ga propane. Mô tả các thủ tục an toàn trong việc sử dụng các loại bếp lò. \_\_\_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_\_\_  
*(Explain when it is appropriate to use a lightweight stove and when it is appropriate to use a propane stove. Set up a lightweight stove or propane stove. Describe the safety procedures for using these types of stoves.)*
- e. Trong một buổi cắm trại, lập kế hoạch và nấu một bữa ăn sáng hoặc bữa ăn trưa, chọn loại thực phẩm từ MyPlate hoặc các mô hình dinh dưỡng hiện nay của USDA. Giải thích tầm quan trọng của dinh dưỡng tốt. Chứng minh cho thấy cách vận chuyển, lưu trữ và chuẩn bị các loại thực phẩm bạn đã chọn. \_\_\_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_\_\_

*(On one campout, plan and cook one hot breakfast or lunch, selecting foods from MyPlate or the current USDA nutritional model. Explain the importance of good nutrition. Demonstrate how to transport, store, and prepare the foods you selected.)*

- f. Chứng minh cho thấy cách buộc nút thợ dệt. Mô tả một trường hợp mà bạn sẽ sử dụng nút này. \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

*(Demonstrate tying the sheet bend knot. Describe a situation in which you would use this knot.)*

- g. Chứng minh cho thấy cách buộc nút ghề đơn. Mô tả một trường hợp mà bạn sẽ sử dụng nút này. \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

*Demonstrate tying the bowline knot. Describe a situation in which you would use this knot.*

### 3. Navigation

- a. Chứng minh cho thấy cách dùng địa bàn và bản đồ. Biết và giải thích năm dấu hiệu trên bản đồ. *(Demonstrate how a compass works and how to orient a map. Use a map to point out and tell the meaning of five map symbols.)* \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

- b. Dùng địa bàn và bản đồ để du hành 5 dặm (dùng xe đạp 10 dặm) *(Use a compass and map together, take a 5 mile hike or 10 mile bike approved by your leader.)* \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

- c. Mô tả những mối nguy hiểm hay thương tích mà có thể gặp phải trong khi đi thám du và cần phải làm gì để tránh những điều đó. *(Describe some hazards or injuries that you might encounter on your hike and what you can do to help prevent them.)* \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

- d. Chứng minh cho thấy cách tìm phương hướng ban ngày và ban đêm mà không sử dụng địa bàn hay những thiết bị điện tử. *(Demonstrate how to find directions during the day and at night without using a compass or an electronic device.)* \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

### 4. Nature

Nhận diện được hoặc cho thấy bằng chứng của ít nhất 10 loại động vật hoang dã (như chim chóc, động vật có vú, bò sát, cá hay nhện sò ốc hên) được tìm thấy trong khu vực địa phương hoặc các địa điểm cắm trại. Cho thấy những bằng chứng qua những vết chân, dấu hiệu, hoặc hình ảnh bạn đã chụp được. *(Identify or show evidence of at least 10 kinds of wild animals (such as birds, mammals, reptiles, fish, or mollusks) found in your local area or camping location. You may show evidence by tracks, signs, or photographs you have taken.)*

### 5. Aquatics

- a. Cho biết những biện pháp phòng ngừa cần phải thực hiện trong việc bơi lội an toàn. *(Tell what precaution must be taken for safe swim.)* \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

- b. Nhảy vào nước chân trước và bơi 25 ft rồi quay gấp lại và bơi về chỗ cũ. *(Demonstrate to jump in water and swim 25 ft with sharp turn and return.)* \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

- c. Chứng minh cho thấy phương pháp cứu người dưới nước bằng cách với tay hoặc chân của bạn, hoặc một vật có thể sử dụng được, và bằng cách ném dây cột vào các đồ vật. *(Demonstrate water rescue methods by reaching with your arm or leg, by reaching with a suitable object, and by throwing lines and objects.)* \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

- d. Giải thích cho biết tại sao không nên bơi ra cứu người trong khi có thể với tay hoặc ném dây hay đồ vật. Giải thích cho biết tại sao và bằng cách nào người bơi ra cứu cần nên tránh đụng chạm đến nạn nhân. *(Explain why swimming rescues should not be attempted when a reaching or throwing rescue is possible. Explain why and how a rescue swimmer should avoid contact with the victim.)* \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

### 6. First Aid and Emergency Preparedness

- a. Chứng minh cho thấy cách cứu thương trong những trường hợp sau: *Demonstrate first aid for the following:*

- Vật trong mắt *(Objects in the eye)* \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_
- Vết cắn từ thú có thể bị dại *(Bite of suspected rabid animal)* \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_
- Vết thương từ dằm, đinh và lưỡi câu *(Puncture wounds treatment)* \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

- Phồng độ 2 (*Second degree burn treatment*) \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_
  - Kiệt sức vì nóng (*Heat exhaustion*) \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_
  - Sốc (*Know signs, symptoms, and cause of shock and basic treatment*) \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_
  - Say nóng (*heatstroke*), mất nước (*dehydration*), giảm nhiệt (*hypothermia*), thở quá gấp (*hyperventilation*) \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_
- b. Cho biết cách đối phó trong những trường hợp khẩn cấp. (*Show what to do in "hurry" case of first aid.*)
- Ngưng thở (*Stopped breathing*) \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_
  - Chảy máu nặng (*Severe bleeding treatment*) \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_
  - Ngộ độc (*Internal poisoning treatment*) \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_
- c. Cho biết những gì bạn có thể làm trong khi đi cắm trại hoặc thám du để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu những thương tích liệt kê trong yêu cầu của Khóa Second Class phần 6a và 6b.  
(*Tell what you can do while on a campout or hike to prevent or reduce the occurrence of the injuries listed in Second Class requirements 6a and 6b.*)
- d. Giải thích cần phải làm gì trong những tai nạn cần cấp cứu ở trong nhà và nơi hẻo lánh. Giải thích cho biết những gì tạo nên một trường hợp khẩn cấp và những thông tin gì bạn sẽ cần phải cung cấp cho một nhân viên cấp cứu.  
(*Explain what to do in case of accidents that require emergency response in the home and backcountry. Explain what constitutes an emergency and what information you will need to provide to a responder.*)
- e. Cho biết bạn sẽ phải phản ứng như thế nào khi gặp một tai nạn xe cộ. \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_  
(*Tell how you should respond if you come upon the scene of a vehicular accident.*)

## 7. Fitness

- a. Sau khi hoàn tất yêu cầu 6c của Khóa 2, hoạt động cơ thể ít nhất 30 phút mỗi ngày, 5 ngày một tuần trong vòng 4 tuần. Theo dõi các hoạt động của bạn.  
(*After completing Tenderfoot requirement 6c, be physically active at least 30 minutes each day for five days a week for four weeks. Keep track of your activities.*) \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_
- b. Chia sẻ những thách thức và thành công trong việc hoàn thành yêu cầu 7a. Đặt ra mục tiêu để tiếp tục các hoạt động thể chất trong cuộc sống hàng ngày và lập một chương trình để làm như vậy.  
(*Share your challenges and successes in completing Second Class requirement 7a. Set a goal for continuing to include physical activity as part of your daily life and develop a plan for doing so.*) \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_
- c. Tham gia vào một chương trình ở trường, cộng đồng hoặc Đoàn về những nguy hại của việc sử dụng ma túy, rượu, và thuốc lá và các thói quen khác có thể gây hại cho sức khỏe của bạn. Thảo luận về việc tham gia vào chương trình này với gia đình của bạn, và giải thích sự nguy hiểm của các chất nghiện. Báo cáo cho Trưởng về những phần của Lời Hứa và Điều Luật hướng đạo liên quan đến những gì bạn học được.  
(*Participate in a school, community, or troop program on the dangers of using drugs, alcohol, and tobacco and other practices that could be harmful to your health. Discuss your participation in the program with your family, and explain the dangers of substance addictions. Report to your Scoutmaster or other adult leader in your troop about which parts of the Scout Oath and Scout Law relate to what you learned.*) \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_

## 8. Citizenship

- a. Tham dự một buổi chào cờ của trường, cơ sở tôn giáo, tổ chức thiện nguyện, cộng đồng, hay những sinh hoạt HD.  
(*Participate in a flag ceremony for your school, religious institution, chartered organization, community, or Scouting activity.*) \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_
- b. Giải thích sự tôn trọng đối với lá cờ của Hoa Kỳ.  
(*Explain what respect is due the flag of the United States.*) \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_
- c. Cùng với cha mẹ hoặc người giám hộ của bạn, xác định một số tiền mà bạn muốn kiếm được, dựa trên chi phí của một món đồ mà bạn muốn mua. Lập ra một kế hoạch để kiếm được số tiền đã thỏa thuận và thực hiện theo kế hoạch đó; bạn có thể có một vài thay đổi trong lúc đang tiến hành kế hoạch của mình. Thảo luận về bất kỳ thay đổi nào so với kế hoạch ban đầu của bạn và cho biết bạn đã đạt được mục tiêu của bạn hay không. \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_

*(With your parents or guardian, decide on an amount of money that you would like to earn, based on the cost of a specific item you would like to purchase. Develop a written plan to earn the amount agreed upon and follow that plan; it is acceptable to make changes to your plan along the way. Discuss any changes made to your original plan and whether you met your goal.)*

- d. Tại ít nhất ba địa điểm, so sánh giá cả của món đồ mà bạn đang để dành tiền mua để xác định nơi tốt nhất để mua. Sau khi hoàn thành yêu cầu 8c, bạn tự quyết định xem bạn sẽ sử dụng số tiền đã kiếm được theo như dự tính ban đầu, để dành tất cả hay một phần nào đó, hoặc sử dụng số tiền đó cho một mục đích khác. *(At a minimum of three locations, compare the cost of the item for which you are saving to determine the best place to purchase it. After completing Second Class requirement 8c, decide if you will use the amount that you earned as originally intended, save all or part of it, or use it for another purpose.)*      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_
- e. Tham dự 2 giờ phục vụ cộng đồng trong những công tác phục vụ đã được sự chấp thuận của Trưởng. Cho biết việc phục vụ tha nhân liên quan đến Lời Hứa HD như thế nào. *(Participate in two hours of service through one or more service projects approved by your Scoutmaster. Tell how your service to others relates to the Scout Oath.)*      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

### 9. Personal Safety

- a. Giải thích 3 điều trong việc an toàn và bảo vệ cá nhân. *(Explain the three R's of personal safety and protection.)*      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_
- b. Mô tả sự hiếp đáp; cho biết cách phản ứng thích hợp với người hiếp đáp mình hoặc một người khác. *(Describe bullying; tell what the appropriate response is to someone who is bullying you or another person.)*      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

### 10. Scout Spirit

Thực hiện lời hứa & điều luật trong đời sống hàng ngày. Cho biết làm sao bạn chu toàn bổn phận của mình đối với tín ngưỡng và làm sao thực hiện được bốn điều luật HD (không kể những điều đã thực hiện trong Khoá 2). *(Demonstrate Scout spirit by living the Scout Oath and Scout Law. Tell how you have done your duty to God and how you have lived four different points of the Scout Law (not to include those used for Tenderfoot requirement in your everyday life.)*      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

### B. Biết làm & công dụng nút dây: *(Know how to do knots & their use.)*

- a. Nổi dây câu *(fisherman)*      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_
- b. Cột bao *(Miller's)*      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_
- c. Chân chó *(sheepshank)*      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_
- d. Gõ đơn *(slippery half hitch)*      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

### C. Thuộc 12 dấu đường & hiểu cách dùng.

*(Memorize 12 trail signs & understand their purpose.)*      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

### D. Tinh thần & cơ thể: *(Write 250 words on how you'd keep your body & mind fit.)*

\_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

### E. Thuộc và hát đúng 4 bài ca: *(Memorize & sing 4 songs)*

1. Lúc thú vui này      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_
2. Cái nhà của ta      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_
3. Giờ ăn đến rồi      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_
4. Hoan hô      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

### F. Sau khi hoàn tất các mục trên, họp với một trưởng để tổng kết và đặt mục tiêu cho Bắc Đẩu.

- a. Boy-Participate in scout master conference to set goal for First Class      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_
- b. Girl-Participate in scout master conference to set goal for a Journey      \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

### G. Complete your board of review.

\_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_



# Sắp Sẵn

Rev 09/16/17



Tên (Scout): \_\_\_\_\_ Đội / Tuân (Patrol): \_\_\_\_\_

Tên(Scout): \_\_\_\_\_; Đội / Tuân(Patrol): \_\_\_\_\_

Hoàn tất Second Class ngày (Completion date): \_\_/\_\_/\_\_, Trưởng(Leader): \_\_\_\_\_

Lễ trao Second Class rank tại (Ceremony at): \_\_\_\_\_, Ngày (date): \_\_/\_\_/\_\_

Hoàn tất khóa 3 ngày (Complete khóa 3): \_\_/\_\_/\_\_, Trưởng(Leader): \_\_\_\_\_

Lễ Tuyên Hứa tại (Ceremony at): \_\_\_\_\_, Ngày (date): \_\_/\_\_/\_\_

*(Complete the following requirements. Upon completion of item 1, 8 & 9, boy will earn **SECOND CLASS** rank)*

## Ghi chú (Notes):

1. *HDS Nam sẽ nhận được huy hiệu **SECOND CLASS** sau khi hoàn tất phần số 1,8 & 9. (Boys will receive their **SECOND CLASS** badge upon completion of item A, F & G).*
2. *Sau khi hoàn tất hết Khóa 3, HDS sẽ được trao bằng Tuyên Hứa. (After completing all the requirements in Khóa 3, scout will receive the World Crest badge).*

## Revisions

07/22/2005.

2/01/2013.

6/17/15. Revised by Tuyen Phung, Hoang Pham, Charles Nguyen, and Dinh Nguyen.

9/16/17. Revised by Hoang Pham, Charles Nguyen. Translated by Duc Ngo.